

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;*

*Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;*

*Công văn số 5547/BTTTT-CĐSQG ngày 24/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đến hết năm 2025;*

*Căn cứ Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu giao tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 19/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập và tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bình Phước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Điều 1 của Quyết định này, xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện; phân công, giao nhiệm vụ kèm chỉ tiêu đối với từng phòng ban, đơn vị trực thuộc và mỗi cán bộ, công chức, viên chức để hoàn thành chỉ tiêu được giao.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm, nỗ lực hành động của người đứng đầu các sở, ban, ngành và địa phương trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện và ưu tiên nguồn lực triển khai. Xác định rõ kết quả triển khai Kế hoạch này là một trong các căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương năm 2025 và giai đoạn 2022-2025.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương và xử lý nghiêm trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có các hành vi chậm trễ, những nhiễu, tiêu cực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; tăng cường trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì phối hợp các đơn vị, địa phương đảm bảo về mặt hạ tầng kỹ thuật; đảm bảo hoàn thiện, kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ thông tin dữ liệu số giữa các hệ thống; đồng thời, phối hợp với Công an tỉnh đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin và dữ liệu số của tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra (*định kỳ, đột xuất*) và báo cáo UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương.

### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/3/2025**.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. (VKSTT-03)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**Phụ lục**  
**CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**  
**NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)*

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2025	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
<b>I. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công</b>									
1.	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>100%</b>	100%	100%	100%	100%	
2.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>85%</b>	70%	75%	80%	85%	Năm 2023: 24,4% Năm 2024: 69,31%
		UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>75%</b>	60%	65%	70%	75%	
3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>90%</b>	75%	80%	85%	90%	Năm 2023: 11,35% Năm 2024: 57,7%
		UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>80%</b>	65%	70%	75%	80%	

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2025	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
4.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>95%</b>	80%	85%	90%	95%	Năm 2023: 10,33% Năm 2024: 75,72%
		UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	<b>90%</b>	75%	80%	85%	90%	
5.	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>100%</b>	100%	100%	100%	100%	
6.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>100%</b>	100%	100%	100%	100%	
7.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>60%</b>	60%	60%	60%	60%	Năm 2023: 0% Năm 2024: 76,89%
8.	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	<b>100%</b>	100%	100%	100%	100%	
9.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	<b>95%</b>	95%	95%	95%	95%	

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2025	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
10.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	85%	50%	60%	75%	85%	Năm 2024: 30,01%
11.	Tỷ lệ công bố, công khai TTHC đúng hạn.	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	100%	100%	100%	100%	100%	Ngoài Nghị quyết
12.	Tỷ lệ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	100%	100%	100%	100%	100%	Ngoài Nghị quyết
<b>II. Hoạt động quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành trên môi trường số</b>									
13.	Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100%	100%	100%	100%	100%	
14.	Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100%	100%	100%	100%	100%	
15.	Tỷ lệ địa phương ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử theo quy định; ban hành quy chế khai thác, sử dụng, kết nối, tích hợp, chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	100%	100%	100%	100%	100%	
16.	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	95%	95%	95%	95%	95%	

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2025	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
	văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy).								
17.	Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc địa phương theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100%	100%	100%	100%	100%	
18.	Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100%	100%	100%	100%	100%	